



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai)

TP. HCM, tháng 4 năm 2021

Quận 5, ngày 12 tháng 4 năm 2021

Số: 202 /QĐ-PHT-HDQT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.
(sửa đổi lần thứ 2)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 16/11/2019;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 6653/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;


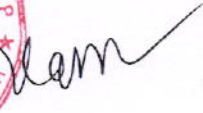
Căn cứ Nghị quyết số 096/NQ-PHT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 22/4/2019 về việc bầu Bà Lê Thị Thanh Tâm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân,

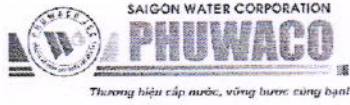
QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 gồm 05 Chương 19 Điều.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/4/2021 và bãi bỏ các quyết định trước đây trái với quyết định này.
- Điều 3.** Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Ban Giám đốc, các Phòng, Ban, Đội và cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HC


**PM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Tâm



QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
PHÚ HÒA TÂN

Số VB/QĐ: 202
Lần ban hành: 3
Ngày ban hành: 12/4/2021
Tổng số trang: 16

PHẦN KIỂM SOÁT

1. Tài liệu tham khảo:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 16/11/2019;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

2. Phụ lục: Lưu đồ quy trình công bố thông tin của Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

3. Biểu mẫu sử dụng: Không có

4. Phần kiểm soát sửa đổi:

| Số VB/QĐ | Ngày ban hành | Ngày hiệu lực | Ban hành lần thứ | Số trang | Ghi chú |
|-----------------|---------------|---------------|------------------|----------|----------------------|
| 275/QĐ-PHT-HĐQT | 08/4/2016 | 08/4/2016 | 01 | 8 | Ban hành lần đầu |
| 155/QĐ-PHT-HĐQT | 28/8/2019 | 28/8/2019 | 02 | 14 | Sửa đổi lần thứ nhất |
| 201/QĐ-PHT-HĐQT | 12/4/2021 | 12/4/2021 | 03 | 16 | Sửa đổi lần thứ hai |

5. Tổ chức thực hiện:

| | Đơn vị soạn thảo | Kiểm tra | Kiểm soát | Phê duyệt |
|-------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| Họ tên Chức vụ | Nguyễn Thành Tính Thư ký HĐQT | Trần Thị Thanh Nga Người phụ trách QTCT | Lê Trọng Hiếu Giám đốc | Lê Thị Thanh Tâm Chủ tịch HĐQT |
| Chữ ký | | | | |
| Ngày | 16/11/2020 | 16/3/2021 | 19/3/2021 | 12/4/2021 |

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN (Sửa đổi lần thứ 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân (gọi tắt là Công ty) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.
2. Quy chế này quy định việc phối hợp công tác giữa các Phòng, Ban, Đội và cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân.
3. Quy chế này được áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phòng, Ban, Đội và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân.

Điều 2. Các từ viết tắt

- CBTT : Công bố thông tin
- Công ty : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân
- HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty
- Phòng KTTC : Phòng Kế toán Tài chính Công ty
- Phòng KHĐT : Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty
- Ban QLDA : Ban Quản lý Dự án Công ty
- Phòng Ban Đội : các Phòng, Ban, Đội chuyên môn nghiệp vụ và tác nghiệp Công ty
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)
- SGĐCK : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- TTLKCK : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC: Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quy chế” là Quy chế CBTT của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;
2. “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân đang áp dụng.
3. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
4. “Người nội bộ” được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
5. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
6. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
7. “Ngày công bố thông tin” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
8. “Ngày báo cáo về việc công bố thông tin” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện CBTT sau:
 - a) Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của Công ty;
 - b) Các phương tiện CBTT của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - c) Các phương tiện CBTT của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
 - d) Phương tiện CBTT của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;
 - e) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - f) Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật: báo in, báo điện tử ...
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo

yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

5. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

6. Việc CBTT trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc CBTT cá nhân bao gồm số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chi được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Ngôn ngữ trong CBTT cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

4. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT của Công ty do Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho người khác thực hiện CBTT. Việc ủy quyền CBTT phải được lập thành văn bản và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 (đăng ký theo mẫu Phụ lục 1 cùng với Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục số 03, Thông tư số 96/2020/TT-BTC).

3. Người đại diện pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do mình hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (trong trường hợp ủy quyền) công bố.

4. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện pháp luật và người được ủy quyền CBTT (trong trường hợp ủy quyền) đều vắng mặt thì Phó Giám đốc được ủy quyền điều hành sẽ thực hiện CBTT.

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện CBTT của Công ty theo quy định của pháp luật và tại Quy chế này;

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Đề xuất, kiến nghị với HĐQT hoặc Người đại diện pháp luật (trường hợp được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến CBTT, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;

4. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc CBTT của Công ty;

5. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Các trường hợp công bố thông tin

1. CBTT định kỳ.

2. CBTT bất thường.

3. CBTT theo yêu cầu.

4. Các trường hợp khác phải CBTT:

a) CBTT về giao dịch của cổ đông lớn và nhóm người có liên quan;

b) CBTT về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền CBTT và người có liên quan tới những đối tượng trên;

c) CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu;

d) CBTT của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có);

e) CBTT về giao dịch cổ phiếu quỹ, về giao dịch chào mua công khai; về việc chào bán chứng khoán, về một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu;

- f) CBTT khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng;
g) Các CBTT khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 9. Nội dung CBTT:

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ | | | | |
| 1 | Báo cáo tài chính năm <i>(đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)</i> | Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính; | P. KTTC | - SSC; - HNX; - Website công ty. | điểm b, c, khoản 1, Điều 10, TT 96. |
| 2 | Báo cáo thường niên Theo Phụ lục 04 Thông tư 96 | Chậm nhất 20 ngày , sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Thư ký HĐQT | - SSC; - HNX; - Website Công ty | khoản 2, Điều 10, TT 96. |
| 3 | Báo cáo tình hình quản trị công ty Theo Phụ lục 05 Thông tư 96 | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch | Thư ký HĐQT | - SSC; - HNX; - Website Công ty | khoản 4, Điều 10, TT 96 |
| 4 | Họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: | | | | |
| | * Thông báo VSD (Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp ĐHDCD hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. | Thư ký HĐQT | Thông báo: VSD Báo cáo: SSC, HNX; | khoản 4b, Điều 11, TT 96 |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| | * Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ (dựa trên danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp). | không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. | Thư ký HĐQT | - Đăng website cty. - Báo cáo SSC, HNX. | K1, Đ141 LDN |
| | * Thông báo mời họp ĐHĐCĐ: - Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ và cách thức tải tài liệu, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có); | Tối thiểu 21 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ | Thư ký HĐQT | - Gửi thông báo bằng phương thức đảm bảo cho cổ đông. - Đăng website công ty. - Báo cáo SSC, HNX. | khoản 3a, Điều 10 TT 96 Điều 143 LDN |
| | * Công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | Trong vòng 24 giờ kể từ xảy ra sự kiện. | Thư ký HĐQT | - SSC; - HNX; - Website Công ty. | khoản 3b, Điều 10, khoản 1c, Điều 11, TT 96 |
| | * Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, phải gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. | Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. | Thư ký HĐQT | - Gửi cổ đông; - Đăng website. | khoản 3b, Điều 11 TT 96 |
| II | CÔNG BỐ VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI - Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty. - Công bố khi có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài. | Chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin. | Thư ký HĐQT | Báo cáo: SSC và HNX; - Website Công ty - Thông báo Sở KHĐT TPHCM. | Khoản 2 Điều 13, TT 96 khoản 3 Điều 176 LDN |
| III | CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG 24H <i>(phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có))</i> | | | | |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1 | Khi xảy ra một trong các sự kiện sau: | | | | |
| | a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty; | Trong vòng 24 giờ kể từ xảy ra sự kiện | P. KTTC | <u>CBTT:</u> - SSC; - HNX; - Website Công ty | khoản 1, Điều 11, TT 96 |
| | b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán; | 24 giờ | P. TCHC | - nt- | - nt- |
| | c. Thông qua quyết định của ĐHĐCD. Trường hợp ĐHĐCD thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn; | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| | d. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| | e. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; | 24 giờ | Thư ký HĐQT, P. KHĐT, P. KTTC. | - nt- | - nt- |
| | f. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính; | 24 giờ | P. KTTC | - nt- | - nt- |
| | g. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan; | 24 giờ | P. KHĐT/ P. KTTC gửi tài liệu | <u>CBTT:</u> - SSC; - HNX; | - nt- |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|
| | | | cho Thư ký HĐQT báo cáo | - Website Công ty | |
| | h. Khi có sự thay đổi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. (Nội dung cụ thể theo điểm k khoản 1 Điều 11 TT 96). | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| | i. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung; | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| | j. Khi có thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho SSC, HNX Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo TT 96; k. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty; | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| | l. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế; | 24 giờ | P. KTTC | - nt- | - nt- |
| | m. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; | 24 giờ | P. KTTC | - nt- | - nt- |
| | n. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty. | 24 giờ | Phòng, Ban Đội có phát sinh sự kiện liên quan | <u>CBTT:</u> - SSC; - HNX; - Website Công ty | - nt- |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|
| | o. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; | 24 giờ | Phòng, Ban Đội có phát sinh sự kiện liên quan | - nt- | - nt- |
| | p. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. | 24 giờ | Thư ký HĐQT | <u>CBTT:</u> - SSC; - HNX; - Website Công ty | - nt- |
| | q. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó | 24 giờ | Thư ký HĐQT | - nt- | - nt- |
| 2 | CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông .hiện hữu. | Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến | Thư ký HĐQT | <u>Báo cáo:</u> 1. SSC, HNX, VSD; - Đăng website Công ty. | khoản 4a, Điều 11, TT 96 |
| IV | CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU CỦA SSC, HNX (Nội dung thông tin phải nêu rõ sự kiện; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)) | | | | |
| | a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; b. Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. | Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu. | | <u>CBTT:</u> - SSC; - HNX; - Website Công ty | Điều 12, TT 96. |
| V | CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU & GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT | | | | |
| | 1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng. (Phụ lục số 7 Thông tư 96) | Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc kể từ ngày có sự thay đổi | Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết | <u>CBTT và báo cáo:</u> - SSC, HNX; - Công ty PHT. | K1 Đ31 TT 96 |
| | 2. Khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) (Phụ lục số 8 Thông tư 96) | | | | K2 Đ31 TT 96 |
| | Trường hợp (1) và (2) nêu trên | Trong 03 ngày làm việc sau khi | Thư ký HĐQT | Website Công ty | K6 Đ31 TT 96 |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|
| | | nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi | | | |
| VI | CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ | | | | |
| | <p>1. Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá kê cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu...).</p> <p>Và không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.</p> <p>Báo cáo theo quy định tại Phụ lục 13 hoặc Phụ lục 14 TT 96</p> | <p>-Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24h kể từ khi có CBTT từ HNX</p> | <p>Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này.</p> | <p><u>Báo cáo:</u> - SSC, HNX và PHT.</p> | <p>khoản 1, Điều 33, TT 96</p> |
| | <p>2. Các đối tượng này phải báo cáo về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục 15 hoặc Phụ lục 16 TT 96</p> <p>Và chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</p> | <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.</p> | <p>Người nội bộ, và người có liên quan của các đối tượng này.</p> | <p><u>Báo cáo:</u> - SSC, HNX và PHT.</p> | <p>khoản 1, Điều 33, TT 96</p> |
| | <p>3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty, hoặc người có liên quan của các đối tượng này vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 33 TT 96.</p> | <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký.</p> | <p>Người nội bộ, và người có liên quan của các đối tượng này.</p> | <p><u>Báo cáo:</u> - SSC, HNX và PHT.</p> | <p>khoản 4, Điều 33, TT 96</p> |

| TT | THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI GIAN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN LẬP B/CÁO | PHƯƠNG THỨC CBTT | VĂN BẢN QUY ĐỊNH |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|
| | phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan. | | | | |
| | 5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của công ty thì khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo. | Trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi. | Công ty CK là người có liên quan của người nội bộ. | <u>Báo cáo:</u> - SSC, HNX và PHT. | khoản 5, Điều 33, TT 96 |
| | 6. Tổng Công ty hoặc các tổ chức chính trị của công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều 33 TT 96. | | Sawaco hoặc CĐ, ĐTN... của PHT có đăng ký giao dịch CP | <u>Báo cáo:</u> - SSC, HNX và PHT. | khoản 6, Điều 33, TT 96 |
| | 7. Công bố các giao dịch theo các mục nêu trên của người nội bộ và người có liên quan của họ. | Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch trên. | Thư ký HĐQT | Đăng website | khoản 7, Điều 33, TT 96 |
| VII | TRẢ CỔ TỨC | | | | |
| | Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. | | | | |
| | 1. Thông báo VSD về ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức, đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty danh sách cổ đông. | Chậm nhất là 07 ngày làm việc , trước NĐKCC dự kiến. | | <u>Thông báo</u> -VSD, SSC, HNX. | K1 Đ10-QĐ 197/QĐ-VSD ngày 29/9/17. |
| | 2. Lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. | Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. | | <u>Thông báo</u> - cổ đông - Website Công ty | Đ135 LDN |
| | 3. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông. | Chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. | | <u>Thông báo</u> - cổ đông - Website Công ty | |

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện CBTT theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 11. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin tự nguyện

Ngoài việc CBTT theo quy định tại Chương III và Chương IV của Quy chế này, Công ty có thể CBTT, trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức cung cấp thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty như giá trị tài sản của doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh... Trong trường hợp này, người có trách nhiệm CBTT tự nguyện do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty quyết định.

Điều 13. Yêu cầu cải chính thông tin

Công ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thật hoặc sai lệch về Công ty.

Chương V

TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn CBTT được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Người được ủy quyền CBTT lập văn bản báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương VI

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mối chuẩn bị CBTT của Công ty bao gồm:

1. Người được ủy quyền CBTT: chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến quản trị Công ty và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Phòng KTTC: chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, kiểm toán và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
3. Người được ủy quyền CBTT và Phòng KTTC là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư, UBCKNN, SGDCK và các cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố.

Điều 16. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng-ban Công ty trong việc cung cấp thông tin

1. Bộ phận đầu mối chuẩn bị CBTT của Công ty trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các Phòng, Ban, Đội Công ty cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.
2. Trưởng các Phòng, Ban, Đội Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin trong phạm vi chức năng của mình theo nội dung Quy chế này và chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, Trưởng các Phòng, Ban, Đội Công ty (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

Điều 17. Xử lý, phê duyệt và công bố thông tin

1. Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, bộ phận đầu mối chuẩn bị CBTT phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về CBTT và soạn theo văn bản CBTT theo mẫu (nếu có), trình phê duyệt thông tin công bố.
2. Giám đốc Công ty có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước khi công bố. Chủ tịch HĐQT phê duyệt các thông tin CBTT được quy định tại Điều 14 Quy chế này.
3. Người CBTT có trách nhiệm CBTT đã được phê duyệt trên website của Công ty và báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố theo quy định.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và của Công ty về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 5 Chương, 19 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.